

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn (SCC) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (giai đoạn từ 01/01/2007 đến 31/12/2007)

Công ty

Công ty Cổ Phần Cấp Sài Gòn, tên giao dịch đối ngoại viết tắt là SCC, (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Biên bản họp cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn ngày 18 tháng 06 năm 2005.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4703000255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 07 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 26 tháng 10 năm 2005; đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 15 tháng 05 năm 2006; thay đổi lần 3 vào ngày 08 tháng 05 năm 2007; đăng ký thay đổi lần 4 vào ngày 29 tháng 05 năm 2007.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, cáp vật liệu dân dụng, cáp truyền hình, sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng, công nghiệp.

Trụ sở chính đặt tại: Đường số 1 - Khu công nghiệp Long Thành - Huyện Long Thành - Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh lần 4 là: 300.000.000.000 đồng.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông	Đỗ Văn Trắc	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Đức Thuận	Phó Chủ tịch
Bà	Huỳnh Ngọc Cẩm	Thành viên
Bà	Phạm Thị Lợi	Thành viên
Bà	Hồ Thị Thu Hương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc bao gồm:

Ông	Phạm Ngọc Cầu	Tổng giám đốc
Ông	Huỳnh Văn Tín	Phó Tổng giám đốc
Bà	Phạm Thị Thanh Thuý	Giám đốc tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP SÀI GÒN

Đ/c: Đường số 1, khu công nghiệp Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Các thành viên ban kiểm soát bao gồm:

Bà	Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Văn Trường	Thành viên
Ông	Lê Văn Hùng	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2008

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP
SÀI GÒN

Phạm Ngọc Cầu

Số: 08-2-029**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo tài chính năm 2007
của Công ty Cổ Phần Cấp Sài Gòn**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Cấp Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Cấp Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/01/2007 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 06 đến trang 27 đính kèm.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cấp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ
CHÍ NHẠNH TP HỒ CHÍ MINH
PHÓ GIÁM ĐỐC****NGUYỄN MINH TIẾN**
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2008

KIỂM TOÁN VIÊN

A handwritten signature in black ink.

CAO THỊ HỒNG NGÀ
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		663.429.953.785	273.186.939.809
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.740.822.000	21.827.681.092
111	1. Tiền	V.01	2.740.822.000	21.827.681.092
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		27.657.650.000	-
121	1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	V.02	29.257.650.000	-
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)		(1.600.000.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.03	151.114.776.870	122.229.504.258
131	1. Phải thu của khách hàng		149.037.280.252	92.852.462.976
132	2. Trả trước cho người bán		847.300.550	29.267.973.911
135	5. Các khoản phải thu khác		1.230.196.068	109.067.371
140	IV. Hàng tồn kho		473.097.166.318	126.988.862.359
141	1. Hàng tồn kho	V.04	473.097.166.318	126.988.862.359
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	V.05	8.819.538.597	2.140.892.100
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		280.466.949	15.234.738
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.866.073.778	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		2.476.611.807	1.586.088.652
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		196.386.063	539.568.710
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		194.347.335.620	123.382.119.313
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		154.132.433.361	100.640.760.298
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	153.622.979.987	75.279.878.009
222	- Nguyên giá		172.213.486.889	76.222.439.338
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(18.590.506.902)	(942.561.329)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.07	63.837.499	98.657.959
228	- Nguyên giá		104.461.369	104.461.369
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(40.623.870)	(5.803.410)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	445.615.875	25.262.224.330
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.09	21.250.000.000	1.250.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		20.000.000.000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.250.000.000	1.250.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.964.902.259	21.491.359.015
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	18.964.902.259	21.491.359.015
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		857.777.289.405	396.569.059.122

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		342.746.538.070	163.839.904.368
310	I. Nợ ngắn hạn		342.746.538.070	163.839.904.368
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.11	311.790.577.088	129.860.912.776
312	2. Phải trả cho người bán	V.12	11.239.271.397	9.977.481.609
313	3. Người mua trả tiền trước	V.12	268.363.086	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	408.335.218	8.874.334.103
315	5. Phải trả công nhân viên		543.734.717	2.689.211.543
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.14	18.496.256.564	12.437.964.337
320	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		515.030.751.335	232.729.154.754
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	514.886.851.320	230.345.953.175
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		297.420.200.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		213.611.950.000	27.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.468.361.909	2.055.807.909
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		860.542.738	860.542.738
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		441.637.495	429.602.528
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		1.084.159.178	-
430	II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		143.900.015	2.383.201.579
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		143.900.015	2.383.201.579
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		857.777.289.405	396.569.059.122

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ().

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		59.593,07	1.051.135,49
- EUR		12,49	12.556,44

Người lập biểu



Hoàng Ngọc Việt

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Thúy

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Cầu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.16	549.121.775.763	155.247.490.638
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.17	549.121.775.763	155.247.490.638
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.18	497.864.146.349	129.886.766.641
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.257.629.414	25.360.723.997
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.19	7.151.300.801	6.913.050.506
22	7. Chi phí tài chính	VI.20	22.115.192.147	3.373.884.836
23	- Trong đó: chi phí lãi vay		18.581.714.601	2.502.766.474
24	8. Chi phí bán hàng		6.926.767.203	1.022.814.235
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.471.894.269	4.427.548.503
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.895.076.596	23.449.526.929
31	11. Thu nhập khác		8.526.174.265	428.862.328
32	12. Chi phí khác		8.063.233.712	11.582.169
40	13. Lợi nhuận khác		462.940.553	417.280.159
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.358.017.149	23.866.807.088
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.21	110.211.210	6.682.705.985
51	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20.247.805.939	17.184.101.103
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.23	842	926

Người lập biểu



Hoàng Ngọc Việt

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Thúy

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2008

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I.Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1.Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		515.646.928.036	35.109.687.693
02	2.Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(62.045.809.676)	(99.441.149.465)
03	3.Tiền chi trả cho người lao động		(7.851.794.711)	(3.152.075.226)
04	4.Tiền chi trả lãi vay		(18.581.714.601)	(2.502.766.474)
05	5.Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp		(4.731.715.707)	(1.961.394.475)
06	6.Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		68.029.325.031	97.628.202.612
07	7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(115.135.064.785)	(96.079.297.262)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD		375.330.153.587	(70.398.792.597)
	II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1.Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ & các tài sản dài hạn khác		(46.283.036.048)	(119.263.802.028)
22	2.Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác		9.295.000.000	-
23	3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(45.903.050.000)	(1.250.000.000)
26	6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.461.319.439	2.666.827.261
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(81.429.766.609)	(117.846.974.767)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		269.640.405.225	86.049.100.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.516.137.400	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(584.169.984.107)	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(313.013.441.482)	86.049.100.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(19.113.054.504)	(102.196.667.364)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		21.827.681.092	122.283.043.196
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ		26.195.412	1.741.305.260
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		2.740.822.000	21.827.681.092

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2008

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Ngọc Việt



Phạm Thị Thanh Thúy



Phạm Ngọc Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cáp Sài Gòn, tên giao dịch đối ngoại viết tắt là SCC, (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Biên bản họp cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Cáp Sài Gòn ngày 18 tháng 06 năm 2005.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4703000255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 07 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 26 tháng 10 năm 2005; đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 15 tháng 05 năm 2006; thay đổi lần 3 vào ngày 08 tháng 05 năm 2007; đăng ký thay đổi lần 4 vào ngày 29 tháng 05 năm 2007.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh lần 6 là: 300.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính tại: Đường số 1, khu công nghiệp Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, cáp vật liệu dân dụng, cáp truyền hình, sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng, công nghiệp.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài ch

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 20 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán, các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua chứng khoán đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thừa chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	88.552.866	6.550.296
Tiền gửi ngân hàng	2.652.269.134	21.821.130.796
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	2.740.822.000	21.827.681.092
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)	29.257.650.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.600.000.000)	-
Cộng	27.657.650.000	-
(*) Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:		
+ Cổ phiếu STB	10.000 cp	690.500.000
+ Cổ phiếu ACB	5.600 cp	921.100.000
+ Cổ phiếu DPM	19.000 cp	1.407.000.000
+ Cổ phiếu PVD	9.200 cp	1.392.000.000
+ Cổ phiếu SAM	165.647 cp	24.847.050.000
Cộng		29.257.650.000
03. Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Phải thu khách hàng (a)	149.037.280.252	92.852.462.976
- Trả trước cho người bán (b)	847.300.550	29.267.973.911
- Các khoản phải thu khác (c)	1.230.196.068	109.067.371
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	151.114.776.870	122.229.504.258
(a) Phải thu khách hàng chủ yếu là các Bưu điện của các tỉnh thành.		
+ Công ty Cổ Phần Viễn Liên	41.803.157.606	
+ Bưu Điện Tỉnh Hà Tây	29.459.062.600	
+ Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	11.049.236.000	
+ Bưu Điện Tỉnh Vĩnh Long	6.034.448.000	
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	60.691.376.046	
Cộng	149.037.280.252	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

(b) Trả trước cho người bán:

+ Công ty TNHH TM XD Điện Trường Thọ	569.800.000
+ Các khoản trả trước khác	277.500.550
Cộng	847.300.550

(c) Các khoản phải thu khác:

+ Công ty Cổ Phần Viễn Liên	102.024.144
+ Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Thuận Phát	536.139.417
+ Các khoản phải thu khác	592.032.507
Cộng	1.230.196.068

Ghi chú: Không có công nợ khó đòi và khách hàng mua hàng không có khả năng thanh toán.

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	290.813.155.294	15.565.261.292
- Công cụ, dụng cụ	20.230.000	71.863.100
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	90.211.714.748	74.609.088.983
- Thành phẩm	91.752.668.265	36.730.881.034
- Hàng hoá	275.944.882	11.767.950
- Hàng gửi đi bán	23.453.129	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	473.097.166.318	126.988.862.359

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là: 0 đồng;

- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là: 0 đồng.

05. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Chi phí trả trước ngắn hạn	280.466.949	15.234.738
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.866.073.778	-
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước (*)	2.476.611.807	1.586.088.652
- Tài sản ngắn hạn khác	196.386.063	539.568.710
Cộng	8.819.538.597	2.140.892.100

(*): Đây là khoản thuế VAT sẽ được hoàn tại Cục thuế tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	13.017.058.385	59.968.950.665	3.010.908.160	225.522.128	-	76.222.439.338
- Mua sắm mới	8.008.111.264	79.096.464.155	3.024.609.678	250.110.677	-	90.379.295.774
- Xây dựng cơ bản	13.619.863.041	-	-	-	-	13.619.863.041
- Thanh lý, nhượng bán	(8.008.111.264)	-	-	-	-	(8.008.111.264)
Số dư cuối năm	26.636.921.426	139.065.414.820	6.035.517.838	475.632.805	-	172.213.486.889
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	245.413.188	540.598.746	128.957.242	27.592.153	-	942.561.329
- Khấu hao trong năm	2.003.621.268	14.666.703.236	873.790.873	103.830.196	-	17.647.945.573
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.249.034.456	15.207.301.982	1.002.748.115	131.422.349	-	18.590.506.902
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	12.771.645.197	59.428.351.919	2.881.950.918	197.929.975	-	75.279.878.009
2. Tại ngày cuối năm	24.387.886.970	123.858.112.838	5.032.769.723	344.210.456	-	153.622.979.987

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

- Trong năm đơn vị tạm tăng nguyên giá TSCĐ: 13.619.863.041 đồng, và trích khấu hao cho các tài sản này là 402.620.040 đồng do các TSCĐ này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Số liệu sẽ được điều chỉnh chính thức theo Báo cáo kiểm toán xây dựng cơ bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

07. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bản quyền bằng sáng chế	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	...	Cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	-	-	104.461.369	-		104.461.369
- Mua sắm mới	-	-	-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	104.461.369	-		104.461.369
II- Giá trị đã hao mòn						
Số dư đầu năm	-	-	5.803.410	-		5.803.410
- Khấu hao trong năm	-	-	34.820.460	-		34.820.460
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	-	-	40.623.870	-		40.623.870
III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	98.657.959	-		98.657.959
2. Tại ngày cuối năm	-	-	63.837.499	-		63.837.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Chi phí XDCB dở dang	296.812.308	2.386.776.174
Trong đó: công trình lớn		
+ Hệ thống chiếu sáng	-	307.564.379
+ Bể lọc mặt đồng, hệ thống ống dẫn, mương kỹ thuật	-	116.431.627
+ Nhà văn phòng	-	13.022.000
+ Nắp mương kỹ thuật Xưởng cáp điện	-	16.966.975
+ Nắp mương kỹ thuật Xưởng cáp viễn thông	-	17.971.300
+ Hệ thống điện động lực cung cấp các xưởng	-	1.160.749.367
+ Tường rào	-	518.165.541
+ Hệ thống đường cấp nước Xưởng dây đồng	-	51.740.662
+ Hệ thống đường cấp nước Xưởng cáp viễn thông	-	66.681.326
+ Trạm bơm Xưởng cáp viễn thông	-	31.696.330
+ Nhà xưởng mở rộng	-	40.233.909
+ Hệ thống đường ống cấp hơi Xưởng cáp viễn thông	-	21.367.738
+ Hệ thống đường ống cấp hơi Xưởng cáp điện + Xưởng dây đồng	-	24.185.020
+ Trạm biến áp (1x2.000)KVA 22/0.4KV	118.319.770	-
+ Hệ thống chiếu sáng - Xưởng mở rộng	46.732.934	-
+ Hệ thống điện động lực - Xưởng mở rộng	131.759.604	-
- Mua sắm TSCĐ	148.803.567	22.875.448.156
Trong đó:		
+ Dàn máy ghép nhóm Pourtier - Dây chuyển cáp viễn thông	-	106.794.494
+ Dàn máy bọc vỏ Mapre - Dây chuyển cáp viễn thông	-	243.234.802
+ Dàn máy ghép nhóm Caballe - Dây chuyển cáp viễn thông	-	72.640.282
+ Dàn máy bọc vỏ - Dây chuyển cáp viễn thông	-	27.123.000
+ Dàn máy bọc đơn - Dây chuyển cáp viễn thông	-	14.714.603.517
+ Dàn máy ghép nhóm - Dây chuyển cáp viễn thông	-	204.365.425
+ Dàn máy bọc vỏ Maillefer (TEL60) - Dây chuyển cáp viễn thông	-	7.329.110.080
+ Dàn máy ghép nhóm SKS - Dây chuyển cáp viễn thông	-	7.259.000
+ Dàn máy kéo trung - Dây chuyển sản xuất cáp điện	-	170.317.556
+ Cải tiến, nâng cấp máy bọc Ø90	148.803.567	-
Cộng	445.615.875	25.262.224.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

09. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	20.000.000.000	-
- Đầu tư dài hạn khác (**)	1.250.000.000	1.250.000.000
Cộng	21.250.000.000	1.250.000.000

(*): Đây là khoản góp vốn với Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 16/07/HTKD/SACOM-SCC ngày 01/10/2007 về việc thành lập xí nghiệp sản xuất Cáp Quang. Với tổng vốn góp là 112.000.000.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông góp 51% tương đương 57.120.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Cáp Sài Gòn góp 49% tương đương 54.880.000.000 đồng.

(**): Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sam Thịnh, chiếm tỷ lệ 5% tương ứng 12.500 cổ phần.

10. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Thuê mặt bằng đất	15.900.858.951	16.246.529.799
- Công cụ, dụng cụ	688.215.931	1.762.492.372
- Chi phí thành lập Công ty	1.450.067.770	2.489.998.878
- Chi phí trả trước khác	925.759.607	992.337.966
Cộng	18.964.902.259	21.491.359.015

11. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Vay ngắn hạn	311.790.577.088	129.860.912.776
+ Ngân hàng (*)	311.790.577.088	129.860.912.776
+ Vay cá nhân	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	311.790.577.088	129.860.912.776

(*): Chi tiết các khoản vay:

Tên tổ chức cho vay	Ngoại tệ (USD)	Qui đổi VND
- Ngân hàng Ngoại thương - CN HCM	11.634.536,74	186.327.105.891
- Ngân hàng TMCP Á Châu (hội sở)	7.834.122,46	125.463.471.197
Cộng	19.468.659,20	311.790.577.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

12. Phải trả người bán và người mua trả trước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Phải trả người bán (*)	11.239.271.397	9.977.481.609
- Người mua trả trước	268.363.086	-
Cộng	11.507.634.483	9.977.481.609

(*) Phải trả người bán:

+ Công ty TNHH Kim Bàng	910.881.931
+ Công ty TNHH Dây và Cáp điện _Nhựa Thành Công	718.373.546
+ Công ty Dow Chemical Pacific	6.095.309.000
+ Công ty Wen Wu Enterprise	1.098.908.462
+ Các khoản phải trả người bán khác	2.415.798.458
Cộng	11.239.271.397

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.578.247.075
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.586.088.652
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	47.303.159
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	110.211.210	4.731.715.707
- Thuế thu nhập cá nhân	1.745.362	109.386.649
- Thuế nhà thầu	296.378.646	821.592.861
Cộng	408.335.218	8.874.334.103

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Bảo hiểm y tế	74.400.500	59.620.500
- Bảo hiểm xã hội	428.356.600	266.801.000
- Kinh phí công đoàn	7.020.000	-
- Cổ tức phải trả	17.845.212.000	11.422.600.000
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	141.267.464	688.942.837
Cộng	18.496.256.564	12.437.964.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

15. Vốn chủ sở hữu

15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	140.959.400.000	-	-	-	-	26.753.651	140.986.153.651
- Tăng vốn trong năm	59.040.600.000	27.000.000.000	-	-	-	-	86.040.600.000
- Lợi nhận tăng trong năm	-	-	-	-	-	17.184.101.103	17.184.101.103
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.055.807.909	-	-	(2.055.807.909)	-
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	860.542.738	-	(860.542.738)	-
- Trích quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	-	-	429.602.528	(429.602.528)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.442.301.579)	(2.442.301.579)
- Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(11.422.600.000)	(11.422.600.000)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	27.000.000.000	2.055.807.909	860.542.738	429.602.528	-	230.345.953.175
- Tăng vốn trong năm	97.420.200.000	186.611.950.000	-	-	-	-	284.032.150.000
- Lợi nhận tăng trong năm	-	-	-	-	-	20.247.805.939	20.247.805.939
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.014.717.672)	(1.014.717.672)
- Trích quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	-	-	303.717.089	(303.717.089)	-
- Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(17.845.212.000)	(17.845.212.000)
- Giảm khác	-	-	(587.446.000)	-	(291.682.122)	-	(879.128.122)
Số dư cuối năm nay	297.420.200.000	213.611.950.000	1.468.361.909	860.542.738	441.637.495	1.084.159.178	514.886.851.320

(*): Lợi nhuận năm 2007 được tạm tính theo tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2007 được chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt, số chính thức sẽ được thông qua Đại hội cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tổng số	Vốn cổ phiếu thưởng	Tổng số	Vốn cổ phiếu thưởng
- Công ty CP cấp và Vật liệu viễn thông	92.610.000.000	92.610.000.000	73.500.000.000	73.500.000.000
- Công ty CP giấy Thái Bình	26.000.000.000	26.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Dịch vụ BCVT Sài Gòn	18.900.000.000	18.900.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Quỹ đầu tư Việt Nam	18.900.000.000	18.900.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ đông khác	141.010.200.000	141.010.200.000	72.500.000.000	72.500.000.000
Cộng	297.420.200.000	297.420.200.000	200.000.000.000	200.000.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm : không

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	140.959.400.000
+ Vốn góp tăng trong năm	97.420.200.000	59.040.600.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>297.420.200.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

18.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thưởng : sẽ được thông qua sau Đại hội cổ đông
 - + Cổ tức đã công bố trên Cổ phiếu ưu đãi : không
- Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : không

15.5. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	20.000.000
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.742.020	20.000.000
+ Cổ phiếu thưởng	29.742.020	20.000.000
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	29.742.020	20.000.000
+ Cổ phiếu thưởng	29.742.020	20.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ / 01 cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

15.6. Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Bù đắp những khoản tổn thất thiệt hại về tài sản do thiên tai địch họa, hỏa hoạn, những rủi ro trong kinh doanh;
- Đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh;
- Đổi mới, thay thế hoàn chỉnh máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học
- Đổi mới trang thiết bị và điều kiện làm việc trong doanh nghiệp;
- Nghiên cứu khoa học, đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho công nhân viên trong doanh nghiệp.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Tham gia liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo qui định hiện hành;
- Phát triển, mở rộng kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu cung cấp hàng hoá	12.771.185.041	20.209.942.788
- Doanh thu cung cấp thành phẩm	529.605.479.425	132.387.997.354
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	6.745.111.297	2.649.550.496
Cộng	549.121.775.763	155.247.490.638

17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu cung cấp hàng hoá	12.771.185.041	20.209.942.788
- Doanh thu cung cấp thành phẩm	529.605.479.425	132.387.997.354
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	6.745.111.297	2.649.550.496
Cộng	549.121.775.763	155.247.490.638

18. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	11.488.249.177	16.373.826.889
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	485.281.737.756	111.494.731.539
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.094.159.416	2.018.208.213
Cộng	497.864.146.349	129.886.766.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.461.860.815	2.686.007.398
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.689.439.986	4.227.043.108
Cộng	7.151.300.801	6.913.050.506

20. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	18.581.714.601	2.502.766.474
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.600.000.000	-
- Chi phí tài chính khác	1.933.477.546	871.118.362
Cộng	22.115.192.147	3.373.884.836

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	110.211.210	6.682.705.985
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	110.211.210	6.682.705.985

- Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15% áp dụng trong 12 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, ưu đãi miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty đã đăng ký với cục thuế tỉnh Đồng Nai nộp thuế TNDN năm 2005, năm 2006 với thuế suất 28% và việc áp dụng miễn, giảm thuế TNDN được tính từ năm 2007.

(*): Đây là tiền thuế TNDN năm 2007 phát sinh từ việc chuyển quyền sử dụng đất với thuế suất 28% theo quy định

22. Chi phí sản xuất theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	639.337.252.242	180.757.449.301
- Chi phí nhân công	9.756.573.268	4.191.387.473
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.682.766.033	948.364.739
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.038.369.387	2.926.106.309
- Chi phí khác	3.184.329.932	857.663.694
Cộng	681.999.290.862	189.680.971.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

23. Thuyết minh chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.247.805.939	17.184.101.103
xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông		
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	20.247.805.939	17.184.101.103
- CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	24.047.340	18.554.172
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	842	926

(*): Số cổ phiếu lưu hành bình quân năm trước và năm nay đã được điều chỉnh hồi tố do tách cổ phiếu từ 100.000 đ/1 CP xuống 10.000 đ/ 1 CP, và phát hành cổ phiếu thưởng (trả cổ tức bằng cổ phiếu) với tỷ lệ 6%.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

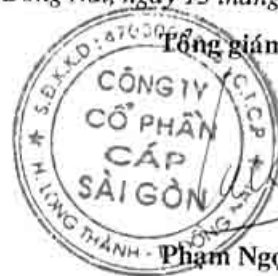
Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Hoàng Ngọc Việt

Phạm Thị Thanh Thúy

Phạm Ngọc Cầu